TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST - HNGĐ	

Phú Thọ, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lương Văn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 02, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ).

-*Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Thanh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 02, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ).

Chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Thanh Thủy Phú Thọ (Agribank Chi nhánh huyện Thanh Thủy Phú Thọ) - Nay là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thanh Thủy Phú Thọ (Agribank Chi nhánh Thanh Thủy Phú Thọ).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Tiến D - Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Thanh Thủy Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Lương Văn L và chị Đỗ Thị Thanh N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Lương Văn L và chị Đỗ Thị Thanh N thống nhất xác nhận có hai con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 1x/3/2007 và cháu Lương Thanh D, sinh ngày 0x/4/2016. Hiện nay cháu Phương A đã thành niên, anh L chị N không đề nghị giải quyết.

Khi ly hôn, anh L và chị N thống nhất thỏa thuận: Anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Thanh D kể từ tháng 7/2025, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Anh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản chung**: Anh L và chị N xác nhận có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây 03 gian diện tích 80m^2 xây dựng trên thửa đất bố mẹ đẻ anh L cho anh L. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM757xxx ngày 01/1x/2012 mang tên anh Lương Văn L. Ngôi nhà anh chị xây dựng năm 2015 và các công trình phụ trợ. Anh L chị N đồng ý với giá trị hội đồng định giá đã định giá ngôi nhà và các tài sản khác trên đất là 400.493.000đ. Anh L chị N thống nhất thỏa thuận: Anh L được sở hữu ngôi nhà và các tài sản khác trên đất và anh sẽ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N số tiền 200.246.500đ (*Hai trăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Về nợ chung: Anh L và chị N có khoản nợ chung tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Thanh Thủy Phú Thọ (nay là Ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Thủy Phú Thọ), số nợ gốc và lãi đến ngày 26/6/2025 là 104.207.873đ (*Một trăm linh bốn triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng)*. Anh L chị N thống nhất thỏa thuận: Mỗi người trả một nửa là 52.103.936đ (*Năm mươi hai triệu một trăm linh ba nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*). Anh L là người đứng ra trả khoản nợ này cho Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Thanh Thủy Phú Thọ (nay là Ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Thủy Phú Thọ) và trừ vào số tiền phải thanh toán về chênh lệch tài sản cho chị Nga.

*** Về cho vay, công sức đóng góp:** Anh L chị N không đề nghị giải quyết.

*** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản**:

Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.800.000đ *(Sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*. Xác nhận anh L đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh L chị N thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), chị Nga có trách nhiệm trả cho anh L số tiền 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Chị N nhất trí để anh L đối trừ vào số tiền thanh toán chênh lệch tài sản.

Anh L chị N thống nhất thỏa thuận: Sau khi đối trừ khoản nợ ngân hàng và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh L phải thanh toán cho chị N số tiền đã được làm tròn là 144.750.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 15/9/2025.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lương Văn L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003982 ngày 20/01/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh Lương Văn L số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

+ Án phí chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ:

Anh Lương Văn L phải chịu án phí chia tài sản chung là 5.006.162đ (*Năm triệu không trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng)* và chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ là 1.302.598đ (*Một triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm chín mươi tám đồng*). Xác nhận anh L đã nộp 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003925 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh L còn phải nộp số tiền là 1.308.760đ (*Một triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).

Chị Đỗ Thị Thanh N phải chịu án phí chia tài sản chung là 5.006.162đ (*Năm triệu không trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng)* và chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ là 1.302.598đ (*Một triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm chín mươi tám đồng*).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T, tỉnh Phú Thọ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thanh Hoa